TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **597**/2026/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Chu Trí M, sinh năm 1958, địa chỉ: E N, xã A, Thành phố H;

***- Bị đơn*:** Bà Chu Thị X, sinh năm 1961, địa chỉ: E N, xã A, Thành phố H;

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chu Thị Thu T, sinh ngày 01/11/1984;
2. Chu Minh T1, sinh ngày 23/06/1989;
3. Chu Thị Q, sinh ngày 31/12/1990;

Cùng địa chỉ: E N, xã A, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75/2010, quyển sổ 01, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, Thành phố H nay là UBND xã A, Thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 08 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Chu Trí M và bà Chu Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: ông M, bà X có 3 con chung là Chu Thị Thu T, sinh ngày 01/11/1984; Chu Minh T1, sinh ngày 23/06/1989; Chu Thị Q, sinh ngày 31/12/1990;

Nay các con đã trưởng thành, khỏe mạnh.

2.2. Về tài sản chung:

Giao cho ông Chu Trí M được quyền sử dụng thửa đất nông nghiệp số 17, 18, 20, 21 tại khu Đ, số D đường C, thôn N, xã A, Thành phố H cùng diện tích đất khẩu, có tổng diện tích thực tế là 1.493,0m^2.

Các tài sản trên đất gồm 1 nhà 4 tầng, 2 kiot và 1 kho xưởng tạm giao cho ông M quản lý, sử dụng.

Ông M có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký sử dụng đất và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Các tài sản khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công sức, công nợ: không có.

2.4. Về án phí: ông M, bà X là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội
(Phòng THADS khu vực 8 - Hà Nội);
- UBND xã A, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thuý